

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/LĐ-ST
Ngày: 28- 02- 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động vô hiệu”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 379/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương Ánh V, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: Số E N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2024). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M (Việt Nam)); trụ sở: Số D, Đường số F, Khu công nghiệp V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị Chúc L, sinh năm 1990; địa chỉ: Công ty TNHH Đ; trụ sở: Số D, Đường số F, Khu công nghiệp V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2024). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.2. Ông Lê Thành G, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Phương Ánh V trình bày:

Ông Trần Văn T và ông Lê Thành G có mối quan hệ quen biết nên từ tháng 08/2010 đến tháng 06/2011 ông G lấy hồ sơ xin việc làm của ông T nộp vào Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M (Việt Nam)) để đi làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh B với mã số BHXH 7410247489.

Cũng trong thời gian trên ông T có tham gia Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH O từ tháng 04/2008 đến tháng 04/2023 tại Bảo hiểm xã hội thành phố B với mã số BHXH 7408063164.

Hiện nay, ông T liên hệ với Bảo hiểm tỉnh B thì nhận được Công văn số 853/BHXH-STTS về việc xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 08/5/2024 thì quá trình đóng bảo hiểm xã hội của ông T vào thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 06/2011 có hai sổ sổ và đóng ở hai Công ty khác nhau.

Đến nay, ông T đi làm thủ tục hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cơ quan bảo hiểm tỉnh Bình Dương hướng dẫn khởi kiện.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH Đ và ông Trần Văn T từ tháng 08/2010 đến tháng 06 năm 2011 vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; Công văn số 853 ngày 08/5/2024.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đinh Thị Chúc L trình bày:

Vào khoảng thời gian từ tháng 08 năm 2010 giữa Công ty và ông Trần Văn T có ký hợp đồng lao động, với vị trí làm việc là công nhân lắp ráp điện lạnh. Thời gian ông T làm việc tại Công ty, Công ty Đ1 cho ông T đầy đủ. Khi ông T đến Công ty làm việc thì ông T có cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là ông Trần Văn T do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty đều thể hiện tên Trần Văn T, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Trần Văn T mà không phải là người khác. Việc ông T có hành vi cho người khác mượn hồ sơ của mình để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi trái pháp luật và Công ty không thể biết việc làm trái pháp luật của ông T. Mãi đến khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và đơn khởi kiện cho Công ty thì Công ty mới biết.

Tại thời điểm đó, tuyển dụng nhiều công nhân lao động phục vụ nhu cầu sản xuất, Công ty chỉ căn cứ vào hồ sơ mà người lao động cung cấp nên không thể biết được người lao động tại Công ty là người khác chứ không phải là ông Trần Văn T nên

Công ty thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Công ty sẽ hợp tác hỗ trợ các thủ tục cần thiết để ông T được hưởng các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định. Công ty không có yêu cầu phản tố trong vụ án, không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành G trình bày:

Ông và ông Trần Văn T có mối quan hệ quen biết nên từ tháng 08/2010 đến tháng 06/2011, ông có mượn hồ sơ của ông T để đi xin việc tại Công ty TNHH Đ để làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7410247489.

Trong thời gian trên, ông T cũng đi làm tại Công ty TNHH O từ tháng 04/2009 đến tháng 04/2023 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số là 7408063164.

Ông biết ông T có liên hệ với bảo hiểm xã hội tỉnh B thì nhận được Công văn số 853/BHXXH-STS về việc xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 08/5/2024 thì quá trình đóng bảo hiểm xã hội của ông T vào thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 06/2011 có hai sổ sổ và đóng ở hai Công ty khác nhau.

Nay, ông T muốn giải quyết thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội nêu trên giữa ông với ông T thì được bảo hiểm xã hội tỉnh B hướng dẫn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân nơi Công ty TNHH Đ đặt trụ sở chính để yêu cầu tuyên hủy thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2010 đến tháng 06/2011.

Hợp đồng lao động ký kết giữa người có tên Trần Văn T với Công ty TNHH Đ, nhưng người đi làm thực tế là ông. Bên cạnh đó việc ông tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2010 đến tháng 06/2011 tại Công ty TNHH Đ là trùng khớp với khoảng thời gian ông T cho ông mượn hồ sơ đi làm tại Công ty TNHH Đ.

Do đó, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH Đ và ông Trần Văn T từ tháng 08/2010 đến tháng 06 năm 2011 vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Công ty TNHH Đ có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho ông Trần Văn T, sinh năm 1987, số căn cước công dân 096087009982 (CMND số 381555379), mã số Bảo hiểm xã hội 7410247489. Thời gian tham gia từ tháng 08/2010 đến tháng 06/2011. Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M (Việt Nam)) và ông Trần Văn T (do ông Lê Thành G là người ký kết) từ tháng 08/2010 đến tháng 06/2011 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M); trụ sở: Số D, Đường số F, Khu công nghiệp V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, ông Lê Thành G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 08 năm 2008 giữa Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M) và ông T (thực tế ông G ký hợp đồng lao động); công việc của ông G tại Công ty là công nhân lắp ráp điện lạnh. Ông G làm việc tại Công ty đến tháng 06 năm 2011 thì nghỉ việc. Thời gian ông G làm việc tại Công ty, Công ty đóng bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi ông G đến Công ty làm việc, ông G cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là ông Trần Văn T do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty đều thể hiện tên Trần Văn T, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Trần Văn T mà không phải là Lê Thành G. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lê Thành G dùng nhân thân của ông Trần Văn T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ từ tháng 08 năm 2010 đến tháng 06 năm 2011 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Trần Văn T và người sử dụng lao động Công ty TNHH Đ từ tháng 08 năm 2010 đến tháng 06 năm 2011 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của ông Lê Thành G do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Minh L1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M (Việt Nam)).

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Trần Văn T và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M (Việt Nam)) từ tháng 08 năm 2010 đến tháng 06 năm 2011 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Trần Văn T theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Ông Trần Văn T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005305 ngày 24/10/2024 (do bà Lê Đăng Ái L2 nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M (Việt Nam)) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết